

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Ninh Giang, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Công văn số 452/TTg-KSTT, ngày 23/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ các “điểm nghẽn” triển khai Đề án 06

Thực hiện Công văn số 542/STTT-BCVTCNTT, ngày 05/4/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả thực hiện Công văn số 452/TTg-KSTT, ngày 23/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ các “điểm nghẽn” triển khai Đề án 06. UBND huyện Ninh Giang báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cơ sở hạ tầng phục vụ công tác triển khai thực hiện Đề án 06

- Cơ sở hạ tầng CNTT ở cả hai cấp huyện, xã được đầu tư từng bước hoàn thiện, đồng bộ. Trên địa bàn huyện, hiện có 03 nhà mạng, gồm VNPT, Viettel và Mobifone cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ đường truyền Internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo phục vụ ổn định cho 100% các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn. Toàn huyện hiện có 26 điểm phục vụ bưu chính, trong đó: Bưu điện huyện có 01 bưu cục cấp 2, 02 bưu cục cấp 3; 23 điểm Bưu điện - Văn hóa xã, và các điểm phục vụ theo hình thức khác. Các chi nhánh viễn thông (VNPT, Viettel, VinaFone) có 207 điểm phục vụ; Bán kính phục vụ bình quân từ 2,5 đến 3 km, dân số phục vụ bình quân khoảng 2.500 người/điểm phục vụ.

- Có tổng số 135 trạm thu phát sóng di động (BTS). Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động (3G, 4G) đạt 100%; Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước được duy trì, kết nối đến cấp xã phục vụ khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của Đảng và Nhà nước; 100% cơ quan nhà nước từ cấp huyện đến cấp xã kết nối mạng Internet băng rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng; có đường truyền cáp quang và có hệ thống mạng LAN ổn định phục vụ nhiệm vụ chính trị; 98% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy tính.

- Trong năm 2023 và quý I/2024, các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện đã phát triển mới 19.398 thuê bao di động, nâng tổng số thuê bao di động là 98.397 thuê bao; bình quân ước đạt khoảng 87 thuê bao/100 dân; đồng bộ hóa thông tin 25.954 thuê bao; chỉnh trang, bó gọn, ngầm hóa 39.000 m cáp viễn thông; xây dựng mới 02 trạm BTS, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp 62 trạm BTS.

- Tại bộ phận Một cửa cấp huyện và cấp xã được trang bị đầy đủ máy tính, máy in, máy scan phục vụ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ. Trong quý I, đã

tiếp nhận 25 bộ máy tính bàn, 01 máy tính xách tay, 22 máy in, 22 máy Scan văn bản từ Sở TTTT cấp trang bị cho UBND huyện và UBND 20 xã, thị trấn. Duy trì hoạt động của hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến huyện và kết nối với Trung ương; 100% các xã, thị trấn đều bố trí được địa điểm và phương tiện phục vụ việc kết nối các hội nghị trực tuyến của cấp trên. Thực hiện duy trì kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo thực hiện kết nối 24/7

2. Thực hiện việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử

- Đến nay, có 94 cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và 20/20 UBND xã, thị trấn, (bằng 100%) duy trì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động; duy trì sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, 100% văn bản đi, đến trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành; 100% các văn bản, hồ sơ công việc hành chính được xử lý trên môi trường mạng.

- 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm chế độ báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, quốc gia.

- Hiện tại UBND huyện sử dụng phần mềm quản lý và điều hành như phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm chứng thực điện tử; phần mềm quản lý Giáo dục; phần mềm QLVBĐH; phần mềm quản lý thông tin cơ sở; phần mềm quản lý kế toán và quản lý tài sản công; phần mềm quản lý thi đua, khen thưởng; phần mềm quản lý hộ tịch, dân cư.v.v...

- Thực hiện tốt việc kết nối liên thông thông tin một cửa điện tử giữa cấp xã với cấp huyện, cấp huyện với cấp tỉnh. Cổng thông tin điện tử của huyện đã liên kết với trang thông tin điện tử của 20 xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện, xã, thị trấn được nâng cấp cung cấp thông tin đa dạng, phong phú giúp người xem thông tin tốt hơn cả về chất lượng hình ảnh và tin bài sôi động hơn.

- Trong năm 2023 và quý I/2024, đã đề nghị cấp mới và thay đổi thông tin chứng thư số cho 70 bộ, công chức, cán bộ lãnh đạo quản lý các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn huyện. Đến nay, 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và cán bộ lãnh đạo quản lý cấp huyện, cấp xã được cấp tài khoản chứng thư số và sử dụng chữ ký số. 100% văn bản đi, đến của cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, cấp xã được ký số và xử lý trên môi trường mạng.

- UBND huyện và 20/20 UBND xã, thị trấn duy trì thực hiện việc ứng dụng phần mềm một cửa điện tử; 100% TTHC được đưa vào áp dụng trong phần mềm tại UBND cấp huyện, cấp xã; 100% hồ sơ TTHC ở cấp huyện và cấp xã được tiếp nhận và thụ lý được công khai tình trạng giải quyết trên mạng Internet;

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC duy trì kết nối với Cổng dịch vụ của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng hỗ trợ thanh toán trực tuyến Quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác giải quyết TTHC. Hiện nay, đã tích hợp được 435 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (*cấp*

huyện 295, cấp xã 140); trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC huyện đang cung cấp 374 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 135 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, đảm bảo chính xác, kịp thời trong quá trình giải quyết TTHC phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3. Nguồn nhân lực phục vụ thực hiện đề án

- Đến nay, cấp huyện có cán bộ chuyên trách về CNTT, có trình độ Đại học chuyên ngành CNTT. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đều bố trí công chức phụ trách CNTT của cơ quan, đơn vị, địa phương; 100% công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã đã qua đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng thành thạo máy tính, các phần mềm phục vụ công việc.

- UBND huyện bố trí 01 cán bộ phụ trách CNTT trực 24/7 sẵn sàng xử lý hoặc kết nối với Cục Chứng thực và Bảo mật thông tin nhằm hỗ trợ công chức chuyên môn xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc cài đặt, sử dụng chữ ký số, đảm bảo kịp thời, không để xảy ra tình trạng gián đoạn việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

4. Việc tiếp nhận, giải quyết, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

4.1. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC

- Trong năm 2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận toàn huyện là 71.728 hồ sơ, trong đó 69.652 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 97,1%; 1.821 hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích (có 285 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang). Có 71.562 hồ sơ đã giải quyết, trong đó có 71.444 hồ sơ xử lý trước và đúng hạn, đạt tỷ lệ 99,84%; có 105 hồ sơ giải quyết quá hạn, chiếm 0,16%. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 86,4%.

- Trong quý I/2024 (từ ngày 21/12/2023 đến ngày 20/3/2024): Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận là: 8.476 hồ sơ, trong đó 7.820 hồ sơ trực tuyến đạt tỷ lệ 92,26 %, 251 hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, (có 405 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang); đã giải quyết 8.345 hồ sơ, trong đó có 8.306 hồ sơ xử lý trước và đúng hạn, đạt 99,53%; 39 hồ sơ trễ hạn, chiếm 0,47%; 157 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia toàn huyện đạt 90,1%;

4.2. Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

- Trong Năm 2023: Tỷ lệ số hóa trên Cổng dịch vụ công Quốc gia: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 81,8%; Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 94,33%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa là 0,07%; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 84,95%.

- Trong quý I/2024 (từ ngày 21/12/2023 đến ngày 20/3/2024): Tỷ lệ số hóa trên Cổng dịch vụ công Quốc gia: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 80,8%; Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 94,79%; ; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu là 0%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 87,45%.

5. Nhiệm vụ Tổ thực hiện Đề án 06

5.1. Về rà soát các TTHC khi thực hiện yêu cầu xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú

Tổ công tác Đề án 06 huyện đã chỉ đạo các cơ quan liên quan, nhất là các cơ quan có thực hiện các thủ tục hành chính và các địa phương thực hiện rà soát các thủ tục hành chính khi thực hiện yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú để đề nghị bỏ Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú để sử dụng 07 phương thức thay thế việc xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú từ ngày 01/01/2023, trong đó: Tư pháp có 11 thủ tục cấp huyện và 20 thủ tục cấp xã có yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện các thủ tục hành chính; Giáo dục có 6 thủ tục yêu cầu xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện các thủ tục hành chính; Lĩnh vực chính sách xã hội có 2 thủ tục yêu cầu xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện các thủ tục hành chính.

5.2. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn

Hàng tháng, Cơ quan thường trực Tổ công tác Đề án 06 huyện phối hợp với Tổ công tác Đề án 06 tỉnh thực hiện kiểm tra an ninh, an toàn đối với các thiết bị được cấp phát phục vụ Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án cấp, quản lý CCCD, Đề án 06. Qua kiểm tra chưa phát hiện việc lộ lọt thông tin, trộm cắp thông tin.

5.3. Công tác rà soát, huy động bố trí nguồn lực thực hiện Đề án 06

- Nguồn lực: Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã đều chủ động đào tạo tại chỗ, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học.

- Ngân sách: Phòng tài chính - Kế hoạch: Tham mưu UBND huyện, HĐND huyện ưu tiên, bố trí kinh phí để triển khai Đề án 06 đảm bảo hiệu quả, thống nhất, tránh lãng phí, dàn trải. Đã bố trí kinh phí mua 06 bộ máy thu nhận hồ sơ định danh điện tử, 01 bộ thu nhận hồ sơ CCCD; UBND xã Tân Quang, Hồng Dụ cũng tự bố trí kinh phí để mua mỗi đơn vị 01 bộ máy thu nhận hồ sơ định danh điện tử.

5.4. Kết quả triển khai các giải pháp, mô hình ứng dụng các tiện ích được phát triển từ nền tảng CSDLQG về DC, CCCD, định danh và xác thực điện tử

Tổ công tác Đề án 06 huyện đã đăng ký 03 mô hình điểm để triển khai thực hiện Đề án 06 với Bộ Công an: (1) Mô hình khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD thay thế cho Bảo hiểm y tế; (2) Mô hình tiếp nhận thông báo lưu trú tại các cơ sở khám chữa bệnh, trường học, nhà khách, nhà công vụ, cơ sở kinh doanh lưu trú bằng phần mềm ASM; (3) Mô hình cấp tài khoản an sinh xã hội và hỗ trợ chi trả không dùng tiền mặt.

Đến nay 02 mô hình “Khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD thay thế cho Bảo hiểm y tế”; “Thông báo lưu trú trên ứng dụng VNeID” tại Trung tâm y tế huyện đã được Phòng Y tế, Trung tâm y tế và Công an huyện phối hợp duy trì hoạt động, đem lại tiện ích cho người dân, cán bộ trong thực hiện các thủ tục hành chính. Trong 2 năm đã có 209.110/550.289 lượt nhân dân đến khám, chữa bệnh dùng thẻ CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID để thay thế thẻ Bảo hiểm y tế, đạt 38%; đã có 318 lượt thông báo báo lưu trú tại các cơ sở khám chữa bệnh.

Đối với mô hình chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt, hiện nay huyện Ninh Giang đã lập, chi trả qua tài khoản cá nhân cho 1.593/3.000 đối tượng Người có công, (đạt 53,1%) và 3.606/7.485 đối tượng Bảo trợ xã hội, (đạt 48,17%) với số tiền trên 5,430 tỷ đồng.

Hiện đang thực hiện Kế hoạch số 4337/KH-UBND ngày 14/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương; Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 06/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện về triển khai thực hiện các mô hình điểm của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

5.5. Nhóm tiện ích giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến

- Kết quả thực hiện 11 DVC thiết yếu trong CAND năm 2023 (8 DVC thuộc cấp huyện). Kết quả cụ thể:

(1) Xác nhận số Chứng minh thư nhân dân khi đã được cấp thẻ Căn cước công dân: 39/41, đạt 95%. Tính riêng trong năm 2023, có 14/14 hồ sơ đạt 100%.

(2) Cấp lại, đổi thẻ căn cước công dân: 203/3.069 lượt, đạt 6,6%

(3) Đăng ký thường trú: 13.141/17.785, đạt 73,9%. Tính riêng trong năm 2023 có 7.191/7.199 hồ sơ đạt 99,9%;

(4) Đăng ký tạm trú: 793/1.034, đạt 76,7%. Tính riêng trong năm 2023, có 341/341 hồ sơ đạt 100%;

(5) Khai báo tạm vắng: 36/42, đạt 85,7%. Tính riêng trong năm 2023, có 8/8 hồ sơ đạt 100%;

(6) Thông báo lưu trú: 6.221/6.230, đạt 99,8%. Tính riêng trong năm 2023, có 583/583, đạt 100%

(7) Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy: 5.039/6.404, đạt 78,6%

(8) Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội): 92/95 trường hợp, đạt 96,8%, tổng số tiền nộp phạt là 275.600.000 đồng.

- Kết quả thực hiện 14 DVC thiết yếu ngoài CAND

Trong 14 dịch vụ công có 10 dịch vụ công thuộc thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã. 4 dịch vụ công không thuộc thẩm quyền của cấp huyện, cấp xã). Kết quả cụ thể:

(1) Đăng ký khai sinh: 3.926/6327, đạt 62%;

(2) Đăng ký khai tử: 2.232/3.389, đạt 65,8%;

(3) Đăng ký kết hôn: 1.641/2.369, đạt 69,2%

(4) Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ): 7.129/7.129, đạt 100%;

(5) Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện): 2.472/2.472, đạt 100%;

(6) Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (Thí điểm cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu trong dịch vụ cung cấp điện): 3.067/3.067, đạt 100%;

(7) Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân: 3.446/4.042, đạt 85,3%;

(8) Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình: 0/9.888, đạt 0%;

(9) Liên thông đăng ký khai sinh- đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi: 1.084/1.084 hồ sơ, đạt 100%;

(10) Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí: 169/169 hồ sơ, đạt 100%.

5.6. Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế xã hội

- Ngành y tế đã triển khai 24/24 cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện dùng Thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID để thực hiện khám chữa bệnh thay thế thẻ Bảo hiểm y tế, qua đó đã đem lại tiện ích cho người dân trong lĩnh vực y tế. Tính đến ngày 23/11/2023, trên địa bàn huyện đã có 119.542 số CCCD/ số định danh cá nhân được đồng bộ với thẻ y tế còn hiệu lực để đi khám chữa bệnh thẻ CCCD gắn chip; có 31.800 lượt công dân đến khám, chữa bệnh dùng thẻ CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID thay thế thẻ bảo hiểm y tế, đạt 32%.

- Phòng LĐTBXH: Tính đến ngày 31/3/2024 đã thực hiện cấp và chi trả qua tài khoản cá nhân cho 1.593/3.000 đối tượng Người có công, (đạt 53,1%) và 3.606/7.485 đối tượng Bảo trợ xã hội, (đạt 48,17%) được 1.189/11.753. Hoàn thành xong việc cập nhật, xác thực thông tin đối tượng Người có công, bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, người cao tuổi... thuộc đối tượng quản lý của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chuyên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Phòng GD&ĐT đã triển khai thực hiện Kế hoạch 396/KH-SGDĐT ngày 30/03/2023 của Sở GDĐT tỉnh Hải Dương về việc: “Triển khai phần mềm quản lý khoản thu và thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương”. Yêu cầu 100% cơ sở giáo dục trong toàn huyện tổ chức thực hiện thanh toán học phí và các khoản thu bằng phương thức không dùng tiền mặt, sử dụng thống nhất phần mềm EMIS để quản lý, theo dõi.

5.7. Nhóm phục vụ phát triển công dân số

- Tiếp tục duy trì thực hiện công tác làm sạch dữ liệu dân cư, đảm bảo 100% dữ liệu dân cư "đúng, đủ, sạch, sống" theo quy định. Công an huyện đã tăng cường các giải pháp đảm bảo tăng cường các chỉ tiêu làm sạch dữ liệu. Chỉ đạo Công an cấp xã rà soát, điều chỉnh thông tin công dân trong dữ liệu dân cư và tạo yêu cầu hủy số định danh. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được thu thập, cập nhật bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống” với 168.960 dữ liệu; đẩy mạnh việc thu thập Căn cước công dân gắn chip và Định danh điện tử. Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai, quán triệt đến 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị thực hiện cài đặt, kích hoạt, sử dụng tài khoản ĐDDT, đã thành lập hơn 100 tổ thực hiện hướng dẫn, kích hoạt tài khoản định danh điện tử tại các thôn, khu dân cư. Đến nay, đã đảm bảo 100% công dân đang cư trú trên địa bàn huyện đủ điều kiện đều được cấp thẻ CCCD gắn chip; Đã tổ chức thu nhận và đã cấp 112.701 hồ sơ tài

khoản định danh điện tử được phê duyệt; đến hết ngày 27/3/2024 đã hướng dẫn nhân dân kích hoạt 95.715/103.157 tài khoản định danh điện tử, đạt 92,78%, trong đó có 5.312/6055 tài khoản mức độ 1, (đạt 87,73%); 90.403/97.102 tài khoản mức độ 2, (đạt 93,10%)

5.8. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư

- Ngành tư pháp huyện đã hoàn thành cập nhật dữ liệu từ 1.689 sổ hộ tịch giấy cần số hóa vào file excel với 110.683 dữ liệu hộ 8 tịch, đạt 100%. Thực hiện số hóa dữ liệu hộ tịch, kết quả đã số hóa 144.199/144.676 dữ liệu đạt 99,7%.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Công an huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện rà soát, hướng dẫn lập 1.593/3.000 đối tượng Người có công, (đạt 53,1%) và 3.606/7.485 đối tượng Bảo trợ xã hội, đạt 48,17%.

- Phòng nội vụ đã cùng với các cơ quan, đơn vị thực hiện nhập trên phần mềm quản lý đối với 2.541/2.541 dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, đạt 100% và đồng bộ thành công lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý.

- Công an huyện tiếp tục phối hợp với Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi và Hội Cựu chiến binh thực hiện hiện cập nhật 66.704/79.616 dữ liệu hội viên lên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đạt 83,79%.

5.9. Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành

- Thông qua phần mềm CSDLQG về DC giúp công tác thống kê số hộ, số nhân khẩu, quản lý đối tượng, quản lý theo độ tuổi.... được chính xác, thống kê nhanh chóng, kịp thời như: Phục vụ cho công tác sáp nhập đơn vị hành chính, công tác rà soát, xử lý nợ của khách hàng vay vốn ngân hàng Chính sách xã hội đi khỏi nơi cư trú.

- Công tác kết nối, chia sẻ dữ liệu Cơ sở dữ liệu dân cư với các cơ sở dữ liệu khác để làm giàu dữ liệu dân cư nhằm tổng hợp, phân tích, dự báo các thông tin để phục vụ việc điều hành của Chủ tịch huyện, UBND huyện, hoạch định chính sách kinh tế, xã hội; đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân, nhu cầu của các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn và tổ chức, doanh nghiệp.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn vướng mắc

- Hạ tầng số, các nền tảng số chưa được hoàn thiện, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra; trang thiết bị, máy móc còn hạn chế, cấu hình thấp chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, đặc biệt là cấp xã; các nền tảng số phục vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội còn thiếu.

- Còn tình trạng dữ liệu dân cư với dữ liệu hộ tịch chưa được thống nhất. Phần mềm dùng chung của Bộ Tư pháp chưa cấu hình chức năng thống kê số lượng thủ tục liên thông đã thực hiện nên việc thống kê và báo cáo vẫn thực hiện thủ công.

- Hệ thống liên thông giữa Bộ Tư pháp và Công an chưa có sự trao đổi, chia sẻ, kết nối. Có những trường hợp thông tin dữ liệu được chỉnh sửa trên phần mềm dùng chung của Bộ Tư pháp nhưng không được đồng bộ sang dữ liệu quốc gia về dân cư. Đề cập nhật thông tin người dân phải trực tiếp tới cơ quan Công an để bổ sung, chỉnh sửa dữ liệu.

- Dịch vụ công “Tích hợp tính giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình” của ngành Bảo hiểm chưa phát sinh hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Nguyên nhân: Do ngành bảo hiểm vẫn đang triển khai thực hiện dịch vụ công và viên đại lý thu trực tiếp. Mặt khác việc thực hiện đại lý thu trực tiếp vẫn tỏ ra hiệu quả và thuận tiện hơn do người dân vì người dân không phải làm các bước chuyển khoản ngân hàng và xác minh giao dịch.

- Có nhiều người dân sử dụng điện thoại thông minh nhưng không sử dụng các dịch vụ mạng, chưa có tài khoản thanh toán điện tử dẫn đến khó khăn khi thực hiện thanh toán trực tuyến các hồ sơ TTHC, trình độ sử dụng công nghệ thông tin còn hạn chế nên việc hướng dẫn người dân tiếp cận, cài đặt sử dụng các dịch vụ số còn gặp nhiều khó khăn. Người dân đa phần chưa được cấp chữ ký số cá nhân nên việc sử dụng chữ ký số cá nhân trong việc nộp hồ sơ trực tuyến chưa thực hiện được. Đa số công dân đến thực hiện TTHC tại Bộ phận Một cửa đều muốn nộp hồ sơ trực tiếp, thấy việc nộp trực tuyến rườm rà, khó khăn mặc dù đã được hỗ trợ, hướng dẫn của cán bộ, công chức trực tại Bộ phận Một cửa hoặc Tổ hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến. Công dân đến nộp TTHC thường là người già, bố mẹ đi nộp hồ sơ cho con về TTHC thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, nên việc tiếp cận, thao tác trên thiết bị di động, máy tính không được thành thạo.

- Tại cấp huyện và cấp xã còn thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin dẫn đến khó khăn trong việc chủ động tham mưu, thực hiện các nhiệm vụ có tính chuyên môn cao.

- Nguồn ngân sách đầu tư cho thực hiện Đề án 06 ở cả cấp huyện, cấp xã còn khó khăn.

2. Đề xuất, kiến nghị

** Đối với UBND tỉnh*

- Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng, trang thiết bị CNTT đảm bảo đồng bộ, liên thông.

- Nâng cấp hệ thống, đường truyền kết nối để đồng bộ dữ liệu nhanh chóng giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với phần mềm chuyên ngành của các đơn vị, phục vụ tiếp nhận và trả hồ sơ cho công dân đúng thời hạn.

- Quan tâm hỗ trợ kinh phí, đầu tư đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân lực CNTT phục vụ trong các cơ quan Nhà nước.

- Ban hành các cơ chế, chính sách thiết thực, sát với nhu cầu thực tế để thúc đẩy phát triển ứng dụng CNTT: Chính sách ưu đãi cán bộ CNTT; Chính sách kích thích phát triển.

** Đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh*

- Mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn về CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã phụ trách về CNTT.

- Tham mưu cho UBND tỉnh có chính sách thu hút nguồn nhân lực về CNTT để bố trí cho mỗi Phòng VH TT các huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 cán bộ có chuyên môn đào tạo chính quy về CNTT.

- Thống nhất việc sử dụng chữ ký số trong thực hiện các ứng dụng phần mềm về giải quyết TTHC và khám chữa bệnh

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả triển khai thực hiện tháo gỡ các "điểm nghẽn" triển khai Đề án 06 trên địa bàn huyện Ninh Giang, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở TTTT Hải Dương;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Tổ công tác Đề án 06 huyện;
- Lưu: VT. PVH TT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Vạn